

ỦY THÁC VỀ NƠI CÓ TRỤ SỞ: ĐÚNG HAY SAI?

■ **VĂN HỒNG YÊN ***

Tóm tắt: Trong bài viết này, từ một tình huống trên thực tế về việc ủy thác thi hành án dân sự về nơi có trụ sở của doanh nghiệp, tác giả nêu lên quan điểm cá nhân và phân tích để làm rõ nhận định của mình.

Abstract: In this article, from a real situation about delegating civil judgment execution to the place of seat of the business, the author gives his personal opinion and analysis to clarify his judgment.

Khoản 1 Điều 55 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) quy định: Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ủy thác thi hành án cho cơ quan thi hành án dân sự nơi người phải thi hành án có tài sản, làm việc, cư trú hoặc có trụ sở. Như vậy, cơ quan thi hành án dân sự nơi nhận ủy thác là cơ quan thi hành án dân sự nơi người phải thi hành án có một trong các điều kiện: Nơi có tài sản, nơi làm việc, nơi cư trú hoặc nơi có trụ sở. Nơi cư trú là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của công dân được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo Luật Cư trú. Nơi có trụ sở (đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp): Trụ sở doanh nghiệp là nơi đặt cơ quan điều hành của doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở của doanh nghiệp phải được đăng ký chính thức với cơ quan đăng ký kinh doanh. Nếu có nhu cầu thay đổi địa chỉ trụ sở, doanh nghiệp phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh trước khi thực hiện việc thay đổi, trụ sở của doanh nghiệp không nhất thiết là nơi doanh nghiệp tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc nơi có hộ khẩu thường trú của chủ doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thể có nhiều cơ sở kinh doanh ở những nơi khác nhau nhưng chỉ có một trụ sở giao dịch. Để tránh nhầm lẫn, trụ sở này thường được gọi là trụ sở chính của doanh

niệp. Trụ sở doanh nghiệp mang tính pháp lý nhiều hơn là tính không gian.

Điều 43 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định: Địa chỉ công ty hay chính xác là trụ sở chính của doanh nghiệp là địa điểm liên lạc của doanh nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, ngách, hẻm, ngõ phố, phố, đường, hoặc thôn, xóm, ấp, xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có). Trụ sở chính được coi là tài sản hợp pháp của doanh nghiệp.

Đối với công dân, cũng có quy định tương tự như: Nơi thường trú của công dân là nơi sinh sống thường xuyên, ổn định không có thời hạn tại một nơi ở nhất định và đã đăng ký thường trú. Nơi tạm trú là nơi công dân sinh sống ngoài nơi đăng ký thường trú và đã đăng ký tạm trú. Như vậy, nơi cư trú bao gồm cả nơi thường trú và nơi tạm trú. Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cũng có quy định về nơi có trụ sở theo Luật Doanh nghiệp. Ngoài trụ sở chính được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, doanh nghiệp có thể có nhiều cơ sở kinh doanh, chi nhánh, văn phòng đại diện ở những địa chỉ khác nhau và được đăng ký theo quy định của pháp luật.

Tác giả xin nêu một tình huống còn có những quan điểm khác nhau như sau:

Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 04/2018/QĐST-KDTM ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố H có nội dung: Công ty TNHH đầu tư thương mại S, địa chỉ trụ sở tại số 52 MK, phường MK, quận B, thành phố H phải trả cho Ngân hàng V, địa chỉ trụ sở tại 72 ĐH, quận K, thành phố H tổng số tiền là 15,7 tỷ đồng, trong đó, gốc là 7,2 tỷ đồng, lãi phát sinh là 8,5 tỷ đồng và lãi phát sinh trên số nợ gốc từ ngày 26/01/2018, mức lãi suất là 15%/năm tương ứng với thời gian chậm trả. Nếu Công ty TNHH đầu tư thương mại S vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thu hồi, phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm gồm:

- Nhà và đất (diện tích 72m²) tại phường HV, thành phố G, tỉnh G, bảo đảm cho khoản gốc là 2 tỷ đồng và khoản lãi là 2,4 tỷ đồng;

- Quyền sử dụng đất (diện tích 759m²) tại xã ĐC, thị xã T, thành phố H bảo đảm cho khoản gốc là 1 tỷ đồng và lãi là 1,2 tỷ đồng;

- Quyền sử dụng đất (diện tích 111,9m²) tại phường QN, thị xã T, thành phố H bảo đảm cho khoản gốc là 3,4 tỷ đồng và khoản lãi là 4 tỷ đồng;

- Ba xe ô tô bảo đảm cho tổng khoản gốc là 0,8 tỷ đồng và tổng khoản lãi là 0,9 tỷ đồng.

Công ty TNHH đầu tư thương mại S đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ với số tiền là 2,1 tỷ đồng và xử lý xong tài sản bảo đảm là nhà và đất (diện tích 72m²) tại tỉnh G. Số tiền còn lại là 13,6 tỷ đồng, trong đó, gốc là 5,1 tỷ đồng và lãi là 8,5 tỷ đồng. Công ty TNHH đầu tư thương mại S không trả được nợ và Ngân hàng V đã có đơn yêu cầu thi hành án ghi ngày 15/3/2018, Chi cục Thi hành án dân sự quận B đã nhận đơn và ra Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 525/QĐ-CCTHADS ngày 21/3/2018 để thi

hành khoản phải thanh toán trên. Nếu Công ty TNHH đầu tư thương mại S không trả nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là những tài sản nêu trên (trừ nhà và đất tại tỉnh G do đã được xử lý xong).

Chi cục Thi hành án dân sự quận B xác minh tài khoản tại các ngân hàng đều thể hiện Công ty TNHH đầu tư thương mại S không có khả năng trả nợ; xác minh tại các cơ quan đăng ký kinh doanh thì Công ty TNHH đầu tư thương mại S đều có địa chỉ đã được cơ quan có thẩm quyền đăng ký là tại số 52 MK, phường MK, quận B, thành phố H, Việt Nam; xác minh điều kiện thi hành án của Công ty TNHH đầu tư thương mại S tại địa chỉ này, kết quả khẳng định, không có Công ty TNHH đầu tư thương mại S, không có biển tên, không có tài sản của công ty, chính quyền cũng không biết Công ty TNHH đầu tư thương mại S ở đâu.

Từ đó, Chi cục Thi hành án dân sự quận B thu hồi quyết định thi hành án số 525/QĐ-CCTHADS ngày 21/3/2018 và ra quyết định ủy thác cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, thành phố H tiếp tục thi hành khoản trả nợ Ngân hàng V số tiền là 13,6 tỷ đồng, trong đó, gốc là 5,1 tỷ đồng và lãi là 8,5 đồng. Nếu Công ty TNHH đầu tư thương mại S không trả nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm nêu trên (trừ nhà và đất tại tỉnh G).

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T đã ra quyết định thi hành án số 349/QĐ-CCTHADS ngày 22/3/2019 để thi hành khoản trên. Đến ngày 20/9/2019 đã xử lý xong các loại tài sản gồm 02 quyền sử dụng đất và 02 xe ô tô, còn một chiếc xe ô tô thì được xác định là không có ở địa bàn thị xã T, thành phố H. Tại Biên bản giải quyết việc thi hành án ngày 20/9/2019, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V đã xác định: Ngay trước và sau khi Chi cục Thi hành án dân sự quận B ủy thác, chiếc xe này đã được xác

định là không có ở địa bàn thị xã T và đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T ủy thác về cho Chi cục Thi hành án dân sự quận B tiếp tục thi hành khoản còn lại và xử lý chiếc xe trên theo quy định.

Căn cứ quy định pháp luật và thực tế hồ sơ, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T ra quyết định ủy thác cho Chi cục Thi hành án dân sự quận B là nơi có trụ sở của Công ty TNHH đầu tư thương mại S tiếp tục thi hành khoản phải trả với số tiền 9 tỷ đồng, trong đó, gốc là 0,7 tỷ đồng và lãi là 8,3 tỷ đồng. Nếu Công ty TNHH đầu tư thương mại S không trả nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô nêu trên.

Chi cục Thi hành án dân sự quận B không nhận và ra công văn trả lại hồ sơ ủy thác thi hành án cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T với lý do: Thực tế Công ty TNHH đầu tư thương mại S không còn hoạt động tại số 52 MK, phường MK, quận B, thành phố H. Với tài liệu chứng minh là Thông báo số 1589/TB-BKD-KT1 ngày 04/02/2016 của Chi cục thuế quận B về việc cơ sở kinh doanh bỏ địa chỉ đăng ký kinh doanh mang theo hóa đơn không kê khai với cơ quan thuế; tại Văn bản số 1170/CCTT-ĐKKD ngày 28/5/2018 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cung cấp thông tin là ngày 26/12/2017 đã ban hành quyết định về việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với Công ty TNHH đầu tư thương mại S. Do vậy, không còn trụ sở của Công ty TNHH đầu tư thương mại S ở số 52 MK, phường MK, quận B, thành phố H và việc ủy thác của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T cho cơ quan thi hành án dân sự quận B là nơi có trụ sở của người phải thi hành án là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) và khoản 5 Điều 16 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một

số điều của Luật Thi hành án dân sự (Nghị định số 62/2015/NĐ-CP). ■

Như vậy, vấn đề được đặt ra là, việc ủy thác của cơ quan thi hành án thị xã T là đúng hay sai? Cơ quan thi hành án dân sự quận B có được trả lại ủy thác hay không?

Theo Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2020, khoản 9 Điều 1 sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như sau:

“Căn cứ bản án, quyết định được thi hành án hoặc kết quả xác minh, thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ủy thác thi hành án cho cơ quan thi hành án dân sự nơi người phải thi hành án có tài sản, làm việc, cư trú hoặc có trụ sở...”.

Với quy định này, quan điểm của tác giả cho rằng: Việc ủy thác của cơ quan thi hành án thị xã T là đúng vì trụ sở của Công ty TNHH đầu tư thương mại S được xác định rõ trong bản án, phù hợp với Điều 43 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định rất cụ thể về địa chỉ của doanh nghiệp. Mặc dù có thông báo về việc cơ sở kinh doanh bỏ địa chỉ đăng ký kinh doanh và văn bản cung cấp thông tin là đã ban hành quyết định về việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với Công ty TNHH đầu tư thương mại S như đã nêu trên, nhưng tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 04/2018/QĐST-KDTM ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân quận B vẫn thể hiện rõ là Công ty TNHH đầu tư thương mại S có trụ sở tại số 52 MK, phường MK, quận B, thành phố H, Việt Nam.

Tác giả rất mong nhận được sự phân tích, trao đổi kinh nghiệm của các nhà khoa học, đồng nghiệp... để đưa ra quan điểm đúng đắn nhất cho tình huống nêu trên □